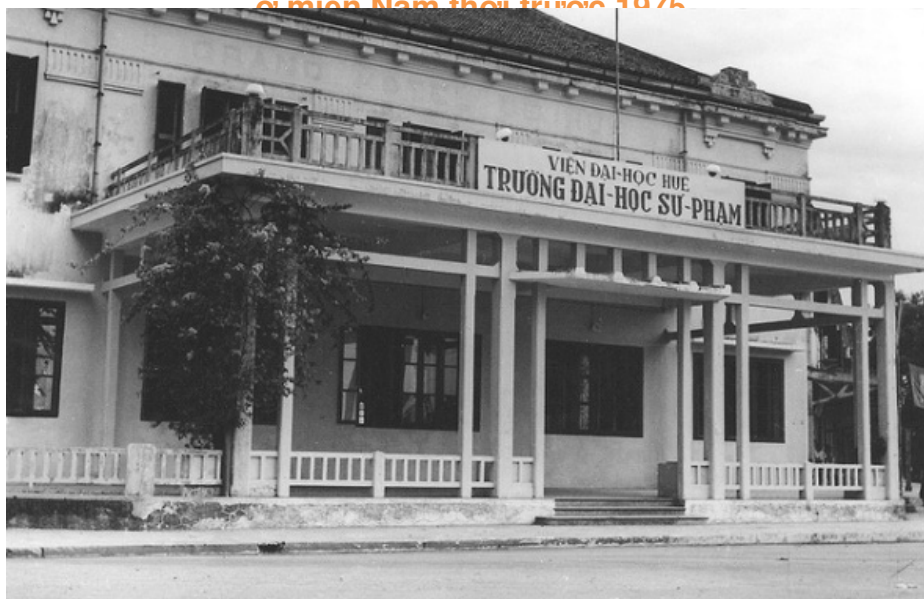


Những ký ức vụn về nền giáo dục ở miền Nam thời trước 1975



Thế hệ những người sinh vào thập niên 1940 tại miền Nam nay còn không ít, cũng không nhiều. Số người không còn phần vì tuổi tác, bệnh tật, phần vì đã trải qua nhiều thăng trầm dâu bể của những năm trước và sau 1975: chiến trận, tù đày, những cuộc vượt biển..., số người còn trụ lại kẻ thì sống tha hương trên xứ người, người ở lại Việt Nam thì phần đông cũng lang thang bên lề cuộc sống, tuổi tác chất chồng, sống bằng ký ức hơn là những dự phóng tương lai.

Trong tay không còn bao nhiêu tư liệu chính thức về một thời kỳ giáo dục đã trải qua năm, sáu mươi năm, chỉ còn một mớ ký ức sót lại trong đầu, hy vọng rằng những bạn đọc là chứng nhân của thời kỳ này sẵn lòng bổ khuyết, đính chính cho những sai sót của một bộ nhớ đã trải qua nhiều thử thách của thời gian và thời cuộc. Bởi vậy mà mấy bài viết này có tên là "Ký ức vụn", không mang ý nghĩa một biên khảo, mà chỉ nhằm giúp người đọc có chút ý niệm tổng quát về một nền học đã mai một từ hơn nửa thế kỷ đã qua.



Học viện Quốc gia Hành chính được xây mới năm 1962.

I. CHUYỆN HỌC

Sơ lược việc học trước thời Đệ Nhất Cộng Hòa

Những năm trước năm 1954, không thấy có chương trình giáo dục mầm non dành cho lứa tuổi dưới 6. Thường một đứa bé đến 6 tuổi, thậm chí 7-8 tuổi hay hơn nữa, mới được cha mẹ cho đi học lớp đầu đời là lớp năm, bậc tiểu học.

Trước thời Đệ nhất Cộng hòa, hệ thống giáo dục tại Việt Nam cũng có ba bậc học chính là Tiểu học, Trung học và Đại học, song ở hai bậc học đầu, mỗi bậc lại chia thành hai cấp. Ở bậc Tiểu học, lớp khởi đầu là lớp Năm hay lớp Đồng ấu (CE: Cours Enfantin), kế đến là lớp Tư hay lớp Dự bị (CP: Cours Préparatoire), lớp Ba hay lớp Sơ đẳng (CE: Cours Elémentaire). Cả ba lớp này thuộc cấp Sơ học, học xong, học sinh thi lấy bằng Sơ học Yếu lược (Primaire Elémentaire).

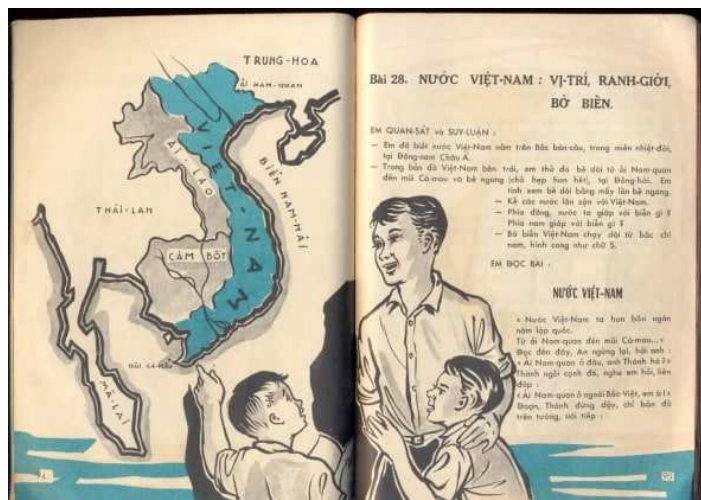


Sau cấp Sơ học là cấp Tiểu học gồm ba lớp: lớp Nhì một năm (Cours Moyen de 1ère Année), lớp Nhì hai năm (CM: Cours Moyen de 2è Année), và lớp Nhất (Cours Supérieur). Xong lớp Nhất, học sinh thi lấy bằng Tiểu học (Certificat D'Etude Primaire Complémentaire Indochinois, viết tắt là C.E.P.C.I), ai thi đỗ mới được học lên bậc Trung học.

Thời đó, có bằng CEPCI đã đủ tự hào với làng trên xóm dưới rồi, “trâm” tiếng Tây với Tây đủ để trẻ em trong làng khiếp sợ. Thời kỳ trước Đệ nhất Cộng hòa, học sinh đỗ Tiểu học xong không vào ngay lớp Đệ nhất niên mà còn phải trải qua một lớp trung gian là lớp Tiếp liên (Cours Certifié), hết năm này mới vào lớp Đệ nhất niên của bậc Trung học.

Thời Pháp thuộc, bậc học này cũng chia làm hai cấp: Cao đẳng Tiểu học và Trung học. Bốn năm Cao đẳng Tiểu học gồm các lớp: Đệ nhất niên, Đệ nhị niên, Đệ tam niên và Đệ tứ niên. Học xong bậc này, học sinh thi lấy bằng Thành Chung (Diplôme

d'Étude Primaire Supérieur Franco-Indigène), người Việt bình dân lúc bấy giờ vẫn quen gọi là “bằng Đít-lôm”.



Sau bằng Thành Chung, học sinh học lên bậc Tú Tài. Kể từ cuối thập niên 1920, chương trình thi bậc Tú tài đã được Nha Học chính Đông Pháp qui định, gồm hai kỳ thi cách nhau một năm, kỳ thi lấy bằng Tú tài I hay Tú tài bán phần (Baccalauréat Première Partie) và kỳ thi Tú tài II hay Tú tài toàn phần (Baccalauréat Deuxième Partie, gọi tắt là BAC). Người dự thi Tú tài toàn phần bắt buộc phải có bằng Tú tài bán phần.

Chương trình Tiểu học thời Đế nhất Cộng hòa không còn kéo dài sáu năm như trước đó, vẫn là các lớp Năm, Tư, Ba, Nhì, Nhất, song không còn kỳ thi Sơ học Yếu lược và không còn hình thức lớp Nhì một năm và lớp Nhì hai năm nữa. Sau khi học xong chương trình lớp nhất, học sinh tham dự kỳ thi Tiểu học.

Vào đầu thập niên 1950, khi vào lớp Tư, học sinh đã bắt đầu được dạy tiếng Pháp, chương trình thi các năm 1954-1955 còn có bài ám tả tiếng Pháp (sau này là chính tả, dictée française), song chỉ có tính nhiệm ý, không bắt buộc. Thời Đế nhất Cộng hòa, các lớp từ Đế nhất niên đến Đế tứ niên được đổi tên lần lượt thành các lớp Đế thất, Đế lục, Đế ngũ và Đế tứ; bậc Cao đẳng Tiểu học được đổi thành bậc Trung học Đế nhất cấp. Tại bậc học này, học sinh lớp Đế thất được dạy sinh ngữ hai là Anh ngữ.

Như vậy, gần như không có một sự chọn lựa nào từ phía người học, do Pháp ngữ được học từ bậc Tiểu học và Anh ngữ được học từ bậc Trung học nên mặc nhiên trong học và thi, Pháp ngữ là sinh ngữ 1 (điểm thi có hệ số 3), Anh ngữ là sinh ngữ 2 (điểm thi có hệ số 2). Sau khi học xong lớp Đế tứ, học sinh thi lấy bằng Trung học Đế nhất cấp thay cho bằng Thành chung. Bậc Tú tài thời Đế nhất Cộng hòa được gọi là Trung học Đế nhị cấp, gồm ba lớp: Đế tam, Đế nhị và Đế nhất.

Bước vào lớp Đệ tam, học sinh chọn một trong 4 ban:

- Ban A – Các môn học chủ yếu là Lý Hóa – Vạn vật (nay là Sinh vật), các môn khác là môn phụ
- Ban B – Các môn học chủ yếu là Toán – Lý – Hóa
- Ban C – Còn gọi là Ban Văn chương – Sinh ngữ, các môn học chủ yếu là Văn-Triết học (riêng cho lớp Đệ nhất); Sử Địa-Anh Pháp
- Ban D – Còn gọi là ban Cổ ngữ, các môn học chủ yếu là Văn – Hán ngữ hay La tinh ngữ.

Về trường học, thời Đệ nhất Cộng hòa, số trường tư chiếm tỉ số áp đảo. Thường mỗi tỉnh có một trường trung học công lập chính nằm ở tỉnh lỵ, ví dụ ở Gia Định có trường Hồ Ngọc Cẩn, ở Định Tường có trường Nguyễn Đình Chiểu, ở Cần Thơ có trường Phan Thanh Giản, ở Bình Định-Quy Nhơn có trường Cường Để... Các trường này dạy đến hết bậc Trung học Đệ nhị cấp. Ở mỗi quận trong các tỉnh lớn, có một trường Tiểu học công lập và/hoặc trường Trung học Đệ nhất cấp.

Hệ thống các trường trung học thời Đệ nhất Cộng hòa phát triển nhanh do sự tăng đột biến gần một triệu người di cư từ bắc vào nam, khiến số học sinh tăng nhanh. Tại Sài Gòn – Gia Định những năm sau 1954, ngoài mấy trường trung học công lập cổ cựu có từ thời Pháp thuộc như Pétrus Trương Vĩnh Ký, Gia Long..., một số trường công lập lớn (đến lớp Đệ nhất) được di từ miền bắc vào hoặc chủ yếu dành cho con em người di cư như Chu Văn An (dành riêng cho nam), Trưng Vương (dành riêng cho nữ), Hồ Ngọc Cẩn (dành riêng cho nam), Trần Lục (dành cho nam, đến bậc Trung học Đệ nhất cấp)...

Vào thời kỳ này, do các trường công lập không đáp ứng được hết yêu cầu của khối lượng học sinh tăng cao, một hệ thống trường tư thực hình thành và phát triển rất nhanh tại Sài Gòn – Gia Định. Có thể kể một số trường có tiếng tại khu vực quận Nhất và quận Ba (cả mới lẫn cũ) như Tân Thanh, Tân Thịnh, Vạn Hạnh, Việt Nam Học Đường, Huỳnh Thị Ngà, Huỳnh Khương Ninh, Vương Gia Cẩn, Lê Bá Cang, Trường Sơn, Nguyễn Bá Tòng, Bùi Chu, Hưng Đạo... với một đội ngũ giáo sư tư thực hùng hậu, không ít người xuất thân từ giới văn chương.



Bên cạnh những trường dạy thuần túy chương trình Việt do chính quyền hay tư nhân quản lý, còn một số trường được thành lập từ thời Pháp thuộc dạy chủ yếu bằng tiếng Pháp, hoạt động song hành với các trường Việt, tiêu biểu là trường Chasseloup-Laubat, sau đổi thành Jean Jacques Rousseau (nay là Lê Quý Đôn), dành cho nam sinh (cố quốc vương Campuchia Norodom Sihanouk (1922-2012) từng theo học trường này); trường Marie Curie dành cho nữ sinh; trường Taberd...

Ở bậc Đại học, thời Đệ nhất Cộng hòa, chỉ có hai viện Đại học công lập chính là Viện Đại học Sài Gòn và Viện Đại học Huế với một quy mô nhỏ hơn. Đại học tư có Viện Đại học Đà Lạt của giáo hội Công giáo với hoạt động không đáng kể. Viện Đại học Sài Gòn bao gồm nhiều phân khoa khác nhau: như Đại học Khoa học (Khoa học Đại học đường), Đại học Kiến trúc, Đại học Luật khoa, Đại học Sư phạm, Đại học Văn khoa, Đại học Y khoa, Đại học Dược khoa, Đại học Nha khoa.

Ở cấp đại học, ngoài các phân khoa thuộc Viện Đại học Sài Gòn, còn có Học viện Quốc gia Hành chánh trực thuộc Phủ Tổng thống (đại diện là Bộ trưởng tại Phủ Tổng thống), chuyên đào tạo các viên chức hành chánh trung cao cấp, và Trung tâm Quốc gia Kỹ thuật (Phú Thọ) đào tạo các kỹ sư công chánh, điện lực, hàng hải... Viện Đại học Huế có một quy mô hoạt động nhỏ hơn với bốn phân khoa: Khoa học, Văn khoa, Luật khoa, và Sư phạm.

Thời đó, các Viện trường Đại học và Viện trường Học viện Quốc gia Hành chánh được xếp ngang thứ trường một bộ. Ngoài những trường đào tạo công chức chính ngạch như Đại học Sư phạm, Học viện Quốc gia Hành chánh, phải thi tuyển vào và sinh viên được hưởng một khoản học bổng đáng kể hàng tháng, hầu hết các phân khoa Đại học khác đều theo thể thức ghi danh, các sinh viên không phải thi tuyển

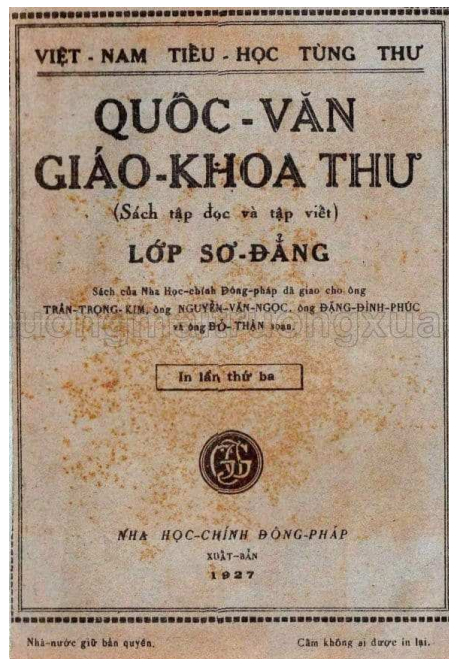
vào, chỉ ghi danh nhập học và không phải đóng một khoản học phí nào trong suốt các năm học.

Một chuyện vui vui xảy ra tại trường Đại học Văn khoa Sài gòn những năm 1959 – 1963: học sinh ghi danh vào lớp Dự bị quá đông, không đủ ghế ngồi, nhiều người phải ngồi cả dưới đất. Vì thế, trước giờ phòng học mở cửa, sinh viên tụ tập đông đảo phía trước, khi cửa mở, mọi người ném sách, tập tã lả vào trong, sách tập ai nằm trên ghế-bàn nào thì người đó được vào ngồi nơi đó (ghế ngồi học gắn kèm mặt bàn kéo ra phía trước để viết, rất gọn). Thỏa thuận bất thành văn này được tôn trọng triệt để, không thấy ai đòi co với ai bao giờ. Sau khi lấy xong chứng chỉ dự bị, sinh viên chọn các chứng chỉ ưa thích hoặc phù hợp với năng lực riêng, chuyện chen chúc trong phòng học không còn nữa...

II. GIÁO ÁN

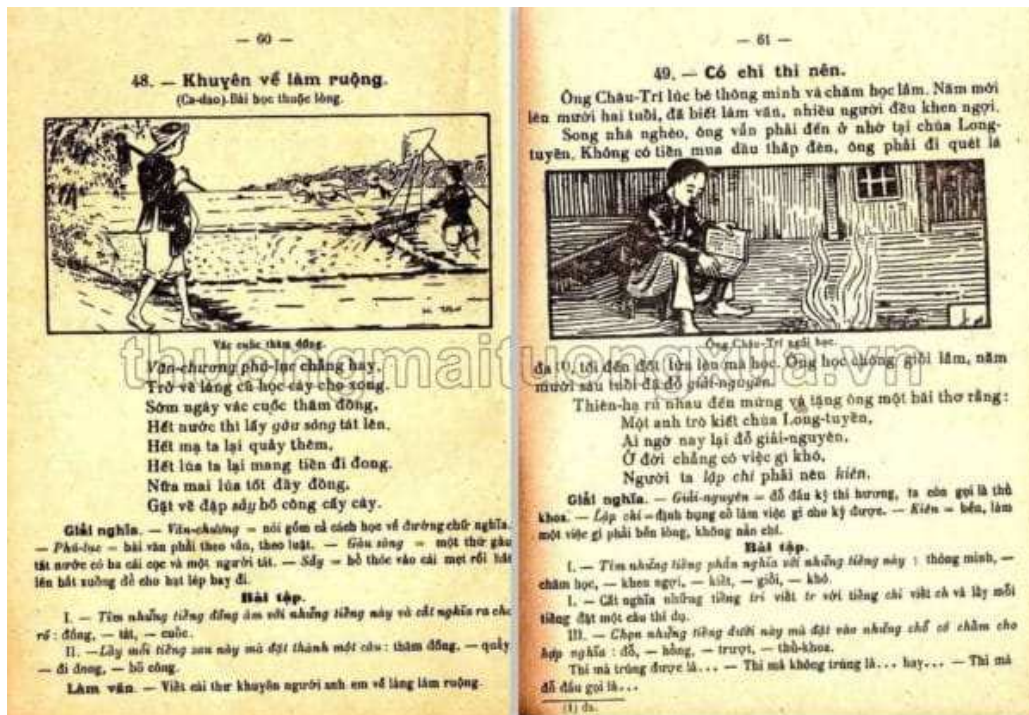
Chương trình giáo dục trung và tiểu học thời Đệ nhất Cộng hòa do Bộ Giáo dục soạn thảo chung cho tất cả các trường trên toàn quốc. Chương trình này có tính ổn định lâu dài và chỉ có những thay đổi nhỏ trong quá trình thực hiện. Thời đó, không có hai từ “giáo án” và cũng thực sự không có việc giáo viên soạn thảo bài dạy theo một tiêu chuẩn nào, trình cho một giới chức nào. Người dạy học thời đó dựa vào chương trình chính thức do Bộ Giáo dục soạn thảo và dạy học sinh theo cách thức riêng của mỗi người, miễn sao trong kết quả cuối năm, nhiều học sinh đạt điểm cao nhất trong môn họ đã dạy. Nếu có soạn thảo “giáo án” chăng thì đó chỉ là những ghi chép riêng tư, sắp xếp ý tưởng giảng dạy để tự nhắc mình cho bài giảng có hiệu quả.

Ở bậc Tiểu học, sách giáo khoa các lớp Đồng ấu, Dự bị và Sơ đẳng (lớp Năm, lớp Tư và lớp Ba) được Nha Học chính Đông Pháp soạn thảo thống nhất cho cả nước từ các thập niên 1920-1930 và được áp dụng tại miền Nam cho đến nửa sau thập niên 1950. Bộ sách có tên chung là “Việt Nam Tiểu Học Từng Thư”, gồm nhiều đề mục khác nhau, sử dụng cho ba lớp sơ học: Đồng ấu, Dự bị và Sơ đẳng, gồm nhiều chuyên mục khác nhau: Quốc văn Giáo khoa thư; Luân lý Giáo khoa thư; Sử ký – Địa dư Giáo khoa thư; Cách trí Giáo khoa thư; Vệ sinh Giáo khoa thư; Toán pháp Giáo khoa thư... Ban soạn thảo các sách giáo khoa này gồm 4 vị có tên tuổi và uy tín trong học giới: Trần Trọng Kim, Nguyễn Văn Ngọc, Đặng Đình Phúc và Đỗ Thận.



Sách Quốc văn Giáo khoa thư lớp Sơ đẳng, bản in năm 1927

Tuy bộ sách có nhiều chuyên mục khác nhau, song được nhắc đến nhiều nhất là bộ Quốc văn Giáo khoa thư, ấn tượng đầu đời sâu đậm nhất của những người đi học vào thời kỳ chuyển tiếp giữa nền học cũ với nền học thời Đệ nhất Cộng hòa. Dù ở lớp nào, các bài học cũng đều mang ý nghĩa nhân văn, đi dần từ những bài dễ đọc, dễ hiểu ở lớp Đồng ấu và Dự bị đến những bài ở lớp Sơ đẳng, đòi hỏi học sinh tập suy luận trước những vấn đề được đặt ra, từ những bài ở sách Quốc văn Giáo khoa thư lớp Dự bị như Khuyến hiếu đễ; Người ta cần phải làm việc; Làng tôi; Nên giúp đỡ lẫn nhau; Lễ phép với người tàn tật... đến những bài dành cho lớp Sơ đẳng như Ai ơi chớ vội khoe mình; Lòng kính yêu chị; Chớ nên ham mê cờ bạc; Không nên báo thù; Không nên khinh những nghề lao lực...

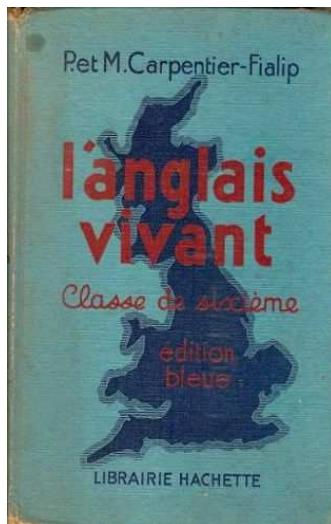


Hai trang sách trong quyển Quốc Văn Giáo Khoa Thư lớp Sơ đẳng in năm 1927

Bên cạnh sách giáo khoa thường được các trường Tiểu học sử dụng, còn có loại sách “Tập Đọc Vui” được soạn thảo và phát hành song song với sách giáo khoa, gồm những bài đọc vui, bổ ích về mặt hình thành nhân cách cho trẻ thuộc các lãnh vực: học đường, gia đình, thân thể, việc học và chơi... Trong tinh thần “Tiên học lễ, Hậu học văn” áp dụng xuyên suốt trên cả nước, nền giáo dục Tiểu học Đế nhất Cộng hòa kế thừa nền giáo dục Hoàng Xuân Hãn năm 1945 và nguồn sách giáo khoa của Việt Nam Tiểu Học Tùng Thư do bộ tứ Kim-Ngọc-Phúc-Thận biên soạn, coi trọng việc Đức dục ngang với Trí dục và Thể dục. Ấn tượng mạnh về bộ sách Quốc Văn Giáo Khoa Thư khiến những thế hệ ra đời từ thập niên 1950 trở về trước luôn nhắc nhở đến chúng như một hoài niệm về thời thơ ấu, với những bài học đáng nhớ là kim chỉ nam cho họ trong cách xử sự ở đời.

Vào thập niên 1960 trở về sau, dù không còn là sách giáo khoa cho học trò nữa, song Quốc Văn Giáo Khoa Thư vẫn len lỏi vào góc ngách tâm hồn của nhiều thế hệ, vào cả trong tác phẩm Hương Rừng Cà Mau của nhà văn Sơn Nam, với truyện ngắn Tình Nghĩa Giáo Khoa Thư nhắc đến những bài học không thể nào quên.

Khoảng thập niên 1990, nhà xuất bản trẻ TPHCM có sáng kiến in lại mấy tập sách giáo khoa này, theo yêu cầu của những độc giả có tuổi muốn tìm lại những hình ảnh của một thời học hành tuổi nhỏ. Nhiệt tình đó đáng ca ngợi, song đáng tiếc là sách in lại bằng giấy trắng láng, hình ảnh thiếu sự đậm đà, sắc nét khiến tác phẩm được phục hồi mất đi khá nhiều giá trị của sự hồi tưởng, hoài niệm một thời đã qua.



Sách học Anh ngữ L'anglais vivant dành cho học sinh lớp Đệ Thất thập niên 1950.

Nửa sau thời Đệ nhất Cộng hòa, khoảng năm 1958, Bộ Quốc gia Giáo dục định ra các triết lý giáo dục gồm ba yếu tố cơ bản là: Nhân bản, Dân tộc và Khai phóng, sách giáo khoa cho bậc Tiểu học được soạn mới, song vẫn giữ cốt cách của Quốc văn Giáo khoa thư và Luân lý Giáo khoa thư.

Ở bậc Trung học, thời Đệ nhất Cộng hòa, Nha Tổng Giám đốc Trung Tiểu học và Bình dân Giáo dục là cơ quan cao nhất thuộc Bộ Quốc gia Giáo dục chịu trách nhiệm về việc dạy và học tại miền Nam. Cơ quan này bao gồm một số đơn vị trực thuộc gồm: Nha Trung học, Nha Tiểu học, Nha Tư thực, Nha Khảo thí và cơ quan Thanh tra. Tại cấp tỉnh, trong lúc các Ty Tiểu học trực thuộc chính quyền địa phương theo hệ thống ngang (thuộc Nha Tiểu học theo hệ thống dọc), thì các trường Trung học chỉ thống thuộc duy nhất Nha Trung học theo hệ thống dọc mà thôi. Ở bậc học này, Bộ Quốc gia Giáo dục có một quan điểm khá thoáng về mặt sách giáo khoa. Hầu như không có một bộ sách giáo khoa nào do cơ quan giáo dục chính thống biên soạn và phát hành để thầy và trò dạy và học theo.

Thời đó, dù là giáo sư tư thực hay công lập, mọi giáo chức có quyền dạy học sinh theo cách thức riêng của mình, không phải tuân theo một phương pháp giảng dạy nào, miễn sao tôn trọng đúng nội dung chương trình giáo dục do Bộ Quốc gia Giáo dục soạn thảo, giúp học sinh đạt được kết quả như ý trong các kỳ thi. Trên thị trường, nhiều sách giáo khoa (hay sách tham khảo) được bày bán, do các giáo sư tư thực lẫn công lập biên soạn. Mỗi tác giả có cách biên soạn của riêng mình, sách nào hay hoặc phù hợp với chương trình dạy và học sẽ được nhiều giáo chức tham khảo trong giảng dạy, học sinh tìm mua để đọc thêm.

Những năm cuối thập niên 1950, đầu thập niên 1960, về quốc văn, loại sách “Luận đề văn chương” của các giáo sư tư thực Nguyễn Sĩ Tế, Nguyễn Duy Diễn, Nguyễn

Văn Mùi... tràn ngập thị trường, được giới dạy văn và học sinh tham khảo nồng nhiệt. Mỗi sách luận đề khảo về văn chương của một tác giả cổ điển như Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến..., sách khổ nhỏ, không dày, viết cô đọng, được cả thầy và trò ưa chuộng. Bản thân người viết bài này được làm học trò môn văn năm Đệ tứ (1958 – 1959) với giáo sư Nguyễn Duy Diễm, người đã mang lại cho cậu thiếu niên 14-15 tuổi một tình yêu nồng nàn đối với môn văn học nước nhà. Tiếc rằng thầy mất quá sớm, khoảng giữa thập niên 1960, khi tuổi đời còn trẻ.



Sách “Luận đề văn chương” thời Đệ nhất Cộng hòa.

Với môn Văn, ngoài loại sách luận đề văn chương, còn có các sách quốc văn dành tham khảo của giáo sư Dương Quảng Hàm (1898 – 1946) (Việt Nam Văn Học Sử Yếu, Việt Nam Thi Văn Hợp Tuyển), của các giáo sư Hà Như Chi, Phạm Thế Ngũ, Phan Ngộ... Về lịch sử – địa lý có sách của ông bà giáo sư Tăng Xuân An, giáo sư Nguyễn Văn Mùi...; sách toán của các giáo sư Đinh Qui – Bùi Tấn – Lê Nguyên Diệm, Bùi Hữu Đột... sách ngoại ngữ, nhất là Anh ngữ, có loạt sách L’anglais vivant của nhà xuất bản Ziên Hồng được nhượng quyền khai thác từ nhà Hachette của Pháp...

Thông thường, các nhà biên soạn sách giáo khoa đã được thị trường chấp nhận và tác phẩm của họ được sử dụng rộng rãi trong việc giảng dạy của các thầy cô và thỏa mãn nhu cầu tham khảo của các em học sinh trung học. Sự chọn lọc, đào thải của thị trường sách giáo khoa giúp các giáo chức, học sinh tìm được những sách đứng đắn, có chất lượng để dạy và học.

Ở bậc Đại học, với chủ trương một nền đại học tự trị, chính quyền Đệ nhất Cộng Hòa dành cho các viện Đại học Sài Gòn và Huế một quyền hạn rộng rãi trong việc

sắp xếp chương trình giảng dạy, bố trí một đội ngũ giáo sư đại học phù hợp. Thông thường sách giáo khoa ở bậc học này do chính giáo sư các bộ môn soạn thảo và giảng dạy, không thông qua những tác giả trung gian khác.

Ở trường Đại học Luật khoa, có thể tham khảo, học tập sách của các giáo sư Vũ Văn Mẫu, Thạc sĩ Luật, từng đảm nhận chức vụ Ngoại trưởng trong chính phủ Ngô Đình Diệm; Vũ Quốc Thúc, Thạc sĩ Kinh tế, Khoa trưởng trường Đại học Luật khoa; Nguyễn Độ, Tiến sĩ Hành chánh công (1952); Vũ Quốc Thông (Thạc sĩ Luật, từng làm Bộ trưởng Y tế, Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chánh trước 1.11.1963); Nguyễn Văn Bông (Thạc sĩ Công pháp Quốc tế, sau ngày 1.11.1963 được cử làm Viện trưởng Học viện Quốc gia Hành chánh)...

Ở Đại học Văn khoa có sách của các giáo sư Nguyễn Đăng Thục, dạy chủ yếu môn Triết học Đông phương, Nguyễn Khắc Hoạch, Nguyễn Đình Hòa, Nguyễn Văn Trung, Bùi Xuân Bào... Ở các phân khoa Khoa học, Y khoa, Dược khoa... bài giảng và sách học được soạn chủ yếu dựa vào các tài liệu khoa học phổ biến ngoài nước. Cần nói thêm là hầu hết các giáo sư đại học tại miền Nam thời Đệ nhất Cộng hòa xuất thân từ các trường đại học Pháp, và theo chế độ giáo dục của nước này, bằng Thạc sĩ là bằng cấp cao nhất, trên bằng Tiến sĩ một bậc.

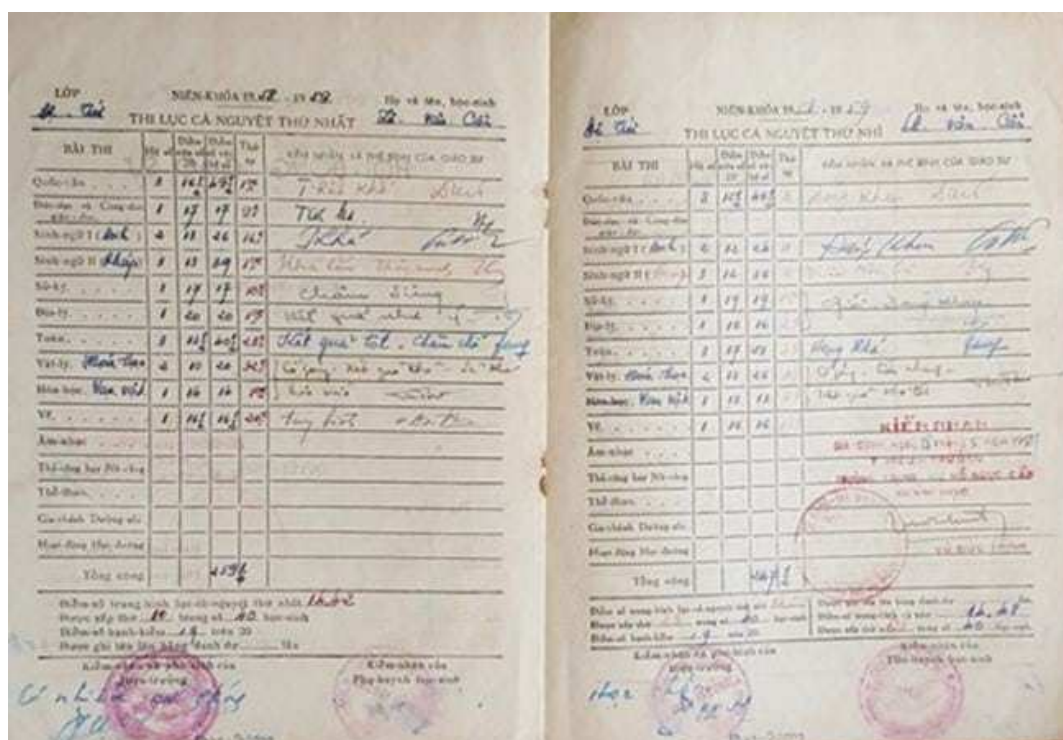
Hầu hết sách giáo khoa các bậc học Tiểu học, Trung học và Đại học thời Đệ nhất Cộng hòa đều theo khuynh hướng phi chính trị hóa, chú trọng chủ yếu đến việc rèn luyện con người trên các mặt Đức, Trí và Thể dục. Người viết sách giáo khoa cung ứng cho thị trường không bị một áp lực nào hay phải tuân theo một sự chỉ đạo nào. Đối tượng chủ yếu mà họ nhắm đến là các giáo chức cần tài liệu để hoàn thiện sự giảng dạy, đội ngũ học sinh, sinh viên cần tham khảo thêm ngoài các bài giảng ở trường.

II. CHUYỆN THI CỬ

1. Trước kỳ thi

Đơn vị chính trong các kỳ thi trên toàn miền Nam trước 1975 là cấp Tỉnh. Trường trung học công lập chính thức của tỉnh là nơi trực tiếp thực hiện những thủ tục cần thiết dưới sự sắp xếp của Nha Khảo thí và các cơ quan liên hệ của Bộ Giáo dục như Nha Trung học, Nha Tiểu học, đoàn Thanh tra.

Mấy tháng trước ngày thi, các trường tư thục trong tỉnh phải nộp học bạ của tất cả thí sinh thuộc trường mình cho trường Trung học công lập tỉnh kiểm nhận, và chỉ khi nào học bạ được kiểm nhận hợp lệ, học sinh liên hệ mới được cấp sổ báo danh để dự kỳ thi sắp tới.



Một trang học bạ của học sinh lớp Đệ Tứ (lớp 9) trường tư được trường công lập của tỉnh kiểm nhận mấy tháng trước kỳ thi. Đó là điều kiện bắt buộc của học sinh trường tư để được cấp sổ báo danh cho kỳ thi sắp mở.

Cũng mấy tháng trước kỳ thi, các giáo sư công lập đang dạy chính môn nào thì được Nha khảo thí yêu cầu đề xuất một số đề thi thuộc môn đó (thường từ 3 đến 5 đề thi). Những đề thi này chỉ có tính tham khảo, nếu có được chọn đi nữa thì xác suất được chọn cũng rất nhỏ, so với số đề thi đề xuất trên cả nước.

2. Trước ngày thi

Việc chọn đề thi do một tiểu ban của Bộ Giáo dục gồm phần lớn là các Thanh tra trung học đảm trách. Khoảng một tuần lễ trước ngày thi, bộ phận này bị cấm trại 24/24 tại trụ sở cho đến ngày thi xong. Không một ai, kể cả Bộ trưởng Giáo dục được phép tiếp xúc với những người này. Họ có những nhiệm vụ quan trọng sau:

– Thảo luận kỹ, chọn ra những đề thi cho từng môn thi, căn cứ vào đề xuất của các giáo sư từng bộ môn đã tập trung về Bộ cách đó mấy tháng.

– Quyết định xong toàn bộ các đề thi, họ đánh máy trên giấy stencil (giấy sếp) và tự tay quay roneo các đề thi đã chọn xong. Vì trong ngày thi, đề thi được phát tận tay mỗi thí sinh, nên số đề được quay roneo vô cùng to lớn, nhiều hơn tổng số thí sinh cho kỳ thi đó. Sau khi công việc khó nhọc này hoàn tất, họ dựa vào số thí sinh do các tỉnh báo cáo, cho toàn bộ đề thi vào những thùng kín có hai ống khóa, được niêm phong cẩn thận, chờ đại diện hội đồng thi các tỉnh lên nhận về.

– Trước khi kỳ thi diễn ra, mỗi tỉnh có một Hội đồng thi tập trung tại trường trung học công lập của tỉnh, gồm phần lớn các giáo chức trong tỉnh. Một ngày trước ngày thi, Hội đồng cử người về Bộ để đưa đề thi về tỉnh, tùy mỗi địa phương mà đi bằng đường bộ hay đường hàng không. Nếu đi đường bộ, họ được xe cảnh sát hộ tống chặt chẽ. Trong suốt những năm trước 1975, chưa hề nghe có một scandal vào về việc tiết lộ đề thi, đủ biết sự bảo mật được thực hiện chặt chẽ như thế nào.

Khi về đến tỉnh, thùng đựng đề thi được đưa ngay đến trụ sở Tòa hành chính tỉnh. Viên chức giữ chức vụ Phó Tỉnh trưởng sẽ thay mặt ông Tỉnh trưởng sở tại, chủ trì một tiểu ban tiếp nhận và bảo quản đề thi. Họ niêm phong và ký tên trên tất cả giấy niêm phong, cho hết vào một tủ sắt trong phòng Phó Tỉnh trưởng, niêm phong tủ sắt với chữ ký của các thành viên trong tiểu ban (đại diện trường trung học công lập tỉnh, đại diện Ty cảnh sát, tòa án, Hội đồng tỉnh...).

Sáng ngày thi, chỉ một khoảng thời gian ngắn đủ để mang đề thi đến mỗi trường thi, người của hội đồng thi và đại diện mỗi trường thi đến Tòa hành chính tỉnh, phá niêm phong, nhận đề thi về các trường thi. Khi họ về đến nơi thì chỉ còn một thời gian tối thiểu để các giám thị phát đề thi đến tận tay thí sinh.

– Thường là một ngày trước ngày thi, các trường thi có thông lệ viết bằng phấn số báo danh của thí sinh trên từng bàn học trong phòng thi. Điều này không quan trọng đối với thí sinh Tú Tài, song rất cần thiết đối với thí sinh Trung học Đệ nhất cấp (cấp 2), nhất là thí sinh Tiểu học, giúp họ đến trường thi trước ngày thi, xem và biết trước sẽ ngồi ở phòng nào trong ngày thi. Trước khi có cách làm này, nhiều em gần đến giờ thi, chạy cuống quýt, không biết tìm phòng thi ở đâu, nếu tìm được phòng trễ quá, theo nội qui trường thi, sẽ không được vào phòng thi nữa. Tác giả bài viết này từng là một cậu học sinh như thế trong kỳ thi Tiểu học năm 1954.

3. Trong ngày thi

Trong phòng thi, thường ban tổ chức bố trí một bàn hai thí sinh ngồi ở hai đầu bàn, mỗi phòng có hai giám thị là giáo viên (tiểu học) hay giáo sư (trung học), thường là một nam, một nữ.

Đến giờ thi, thí sinh được phát riêng cho mỗi người:

- Đề thi in trên giấy in roneo dày, màu vàng, chữ rất rõ ràng.
- Giấy làm bài thi khổ to, có rọc phách giữa phần khai báo của thí sinh và bài làm.
- Giấy làm nháp thường có ba màu: xanh lục, vàng nhạt, hường. Thí sinh ngồi chung một bàn được phát giấy nháp khác màu nhau.

Khoảng 5 đến 10 phút trước khi hết giờ làm bài, các giám thị thông báo cho thí sinh biết để xem lại bài. An ninh phòng thi rất chặt chẽ, những người không có nhiệm vụ trong trường thi không được phép đến gần trường thi.

4. Sau ngày thi

Việc học và thi tại miền Nam những năm 1954-1963 (và sau đó) dựa trên những ý niệm căn bản sau:

– Chỉ có ưu tiên trong học tập, hoàn toàn không có ưu tiên trong thi cử. Thành phần học sinh được ưu tiên trong học tập là con của quân nhân, công chức “hi sinh vì nhiệm vụ” (tử trận, tử nạn trong lúc thi hành nhiệm vụ, chết vì bệnh do công vụ gây nên...) hoặc của những thương dân hi sinh mạng sống để cứu người... Họ được thu nhận vào trường Quốc gia Nghĩa tử, được tạo những điều kiện học tập tốt nhất, bù đắp với sự bất lợi do thiếu cha hay thiếu mẹ so với các học sinh bình thường khác. Họ được miễn học phí, được cấp học bổng và nhiều phương tiện khác trong học tập. Với những điều kiện ưu đãi đó, họ phải cố gắng học tập như mọi người và trong kỳ thi, không được hưởng bất cứ sự ưu đãi nào.

– Tuy nhiên, có một trường hợp duy nhất được cộng điểm. Để khuyến khích học sinh rèn luyện thể lực, khoảng 2-3 tháng trước kỳ thi, Ty thể dục thể thao tỉnh tổ chức kỳ thi thể dục cho toàn thể học sinh trong tỉnh. Kỳ thi gồm nhiều môn phối hợp: chạy xa, nhảy xa, nhảy cao, ném tạ..., ai được từ 11/20 điểm trở lên thì được cộng số điểm sau khi trừ 10 vào tổng số điểm thi đã nhân với hệ số. Ví dụ một học sinh đạt điểm thi thể dục 13/20, cậu ta được cộng thêm 3 điểm vào tổng số điểm thi. Việc cộng thêm điểm này không đáng kể lắm nếu ta biết rằng tổng số điểm trung bình cần để đậu trong kỳ thi thường vượt quá con số 100, sau khi đã nhân với hệ số từ 2 đến 4, tùy theo môn thi.

– Những năm 1954-1963, tại miền Nam, bài thi được cho điểm trên cơ sở tối đa 20 điểm. Tùy theo tính cách quan trọng nhiều hay ít của các môn học và thi, mỗi môn được nhân với một hệ số khác nhau, ví dụ ở kỳ thi Tú Tài II (Tú Tài toàn phần) ban C, môn Triết học hệ số 3; Pháp văn sinh ngữ 1 hệ số 3; Anh văn sinh ngữ 2 hệ số 2; Sử Địa hệ số 2. Như vậy tổng số điểm tối đa các môn thi là 200, số điểm trung bình tối thiểu để đậu kỳ thi viết là 100/200.

– Mỗi kỳ thi Trung học Đệ I cấp, Tú Tài I và Tú Tài II đều có một kỳ thi viết và một kỳ vấn đáp. Thí sinh nào đạt điểm trung bình từ 10/20 trở lên được chấm đậu trong kỳ thi viết. Việc công bố kết quả thi viết diễn ra tại một trường học có sân rộng, loa được bắc nhiều nơi, một người trong ban tổ chức kỳ thi đọc trên loa tên và số báo

danh của những người đậu kỳ thi viết, theo thứ tự từ nhỏ đến lớn, cũng là thứ tự mẫu tự của tên. Những thí sinh đậu trong kỳ thi viết mới được tham dự kỳ thi vấn đáp mở ra sau đó vài ngày.

Những người không đủ 10/20 điểm để đậu trong kỳ thi viết được chia làm hai hạng:

- . Ai có từ 8 đến dưới 10/20 điểm trung bình được thi kỳ 2 mở cách kỳ 1 khoảng 2 tháng. Công việc nấu sủ sôi kinh diễn ra ngay sau đó, trong kỳ nghỉ hè.

- . Ai dưới 8/20 điểm trung bình không được dự thi kỳ 2, đợi sang năm sau thi tiếp

– Tùy theo số điểm trung bình trong kỳ thi, tính cả thi viết lẫn thi vấn đáp, người ta chia số người đậu theo các hạng sau:

- . Hạng Thứ (passable): Từ 10 đến dưới 12/20 điểm

- . Hạng Bình Thứ (Assez bien): Từ 12 đến dưới 14/20 điểm

- . Hạng Bình (Bien): Từ 14 đến dưới 16/20 điểm

- . Hạng Ưu (Très bien): Từ 16 đến dưới 18/20 điểm

- . Hạng Tối ưu (Excellent): Từ 18 đến 20/20 điểm.

Trong kỳ thi Tú Tài, thường chỉ có hai ban A (chủ yếu các môn Lý Hóa-Vạn vật) và B (chủ yếu các môn Toán-Lý Hóa) là có thí sinh đậu hạng Bình hay Ưu, vì các bài Toán, Lý Hóa, Vạn vật chấm điểm theo đúng, sai, ai làm bài đúng hoàn toàn dễ kiếm được 16-18 điểm.

Riêng ban C với các môn chính: Triết học, Pháp (dissertation morale: luận đề luân lý), Anh (dịch), Sử Địa, kiếm được từ 10 đến 12/20 điểm trung bình đã rất vất vả nên hầu như chưa thấy ai học ban C mà đậu hạng Bình trở lên.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
NHÀ TỔNG GIÁM-ĐỐC
TRUNG TIỂU-HỌC và B.D.G.D.

Số 110

CHỨNG-CHỈ TÚ-TÀI PHẦN THỨ HAI

Chánh-Chủ-Khảo Hội-Đồng Khảo-Thí
Ban C-D

nhân thực thí-sinh Lê-văn-Cẩn
số ký-danh 433 sinh ngày 02 tháng 02
năm 19 44 tại - tỉnh Gia định
đã trúng tuyển kỳ thi TÚ-TÀI PHẦN THỨ HAI
Ban C
hạng Bình Bình
Khóa ngày 3-5-62 tại Saigon
với điều-kiện được Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục
phê-chuẩn.

Saigon ngày 19 tháng 5 năm 1962
Chánh-Chủ-Khảo,

Người lập chứng-chỉ :
Thư ký Hội-Đồng,
[Signature]

CƯỚC CHÚ : Chứng-chỉ này chỉ cấp cho mỗi người một lần.

Mẫu Số 41.45.42 B - 1962.

Một chứng chỉ thi đậu Tú Tài II cấp năm 1962

– Hàng năm, những kỳ thi tuyển vào các trường đào tạo công chức và có học bổng như Đại học Sư phạm, Quốc gia Hành chánh, Kỹ thuật Phú Thọ đều được mở ra giữa hai kỳ 1 và 2 của kỳ thi Tú Tài II, ai thi rớt kỳ 1, chờ thi kỳ 2, sẽ không có cơ hội tham gia các kỳ thi tuyển vào Đại học năm đó.

– Tỷ lệ thi đậu hàng năm của 3 kỳ thi trung học dao động từ 25% đến 45%, thấp nhất thường là ở kỳ thi Tú Tài I, chỉ khoảng 30%-35%, cao nhất là kỳ thi Tú Tài II, từ 35% đến 45%. Điều này dễ hiểu: trình độ học sinh lớp Đệ Nhị (để thi Tú Tài I) không đồng đều bằng học sinh lớp Đệ Nhất (để thi Tú Tài II) vừa đậu xong Tú Tài I năm trước.

Mặt khác, số thí sinh trường tư thường đậu thấp hơn thí sinh trường công, chiếm khoảng 70% -90% số thí sinh thi đậu của trường công. Lý do: Trình độ học sinh trường tư rất không đồng đều, phải chờ nhau, nên không tiến nhanh được. Cần nhớ là trong kỳ thi Tú Tài I, 100% thí sinh trường công đều có bằng Trung học Đệ nhất cấp, trong khi thí sinh trường tư thi Tú Tài I không cần có bằng Trung học Đệ nhất cấp. Chỉ riêng sự khác biệt này đủ làm nên sự chênh lệch về tỷ lệ thi đậu ở mỗi loại trường.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
NHA TRUNG-HỌC
Số 1240/59

Người viết: Lê Công An

CHỨNG-CHỈ

Giám-Đốc Nha Trung-Học nhận thực:
Lê văn Căn
sinh ngày 6.2.1944 tại Cà Phê
Nhuận, Gia Định
đã trúng tuyển kỳ thi TRUNG-HỌC ĐỆ NHẤT CẤP
khóa ngày: 28.5.1959 tại Gia Định
hạng Thứ
(Đã chọn thí sinh: Anh văn)
với điều-kiện là được Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia Giáo-Dục phê
chuẩn.

Saigon, ngày 20 tháng 5 năm 1959
GIÁM-ĐỐC NHA TRUNG-HỌC.

Người lập chứng-chỉ:
Chủ-Sự Phòng Khảo-Thi

[Signature]

TỔ-ĐẠO

CÁC-CCH: Chứng-chỉ này chỉ cấp cho một người một lần

Một chứng chỉ thi đậu Trung học Đệ nhất cấp cấp năm 1959.

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC
NHA TỔNG GIÁM-ĐỐC
TRUNG TIỂU-HỌC và BÌNH-DÂN
Số 733 / C

CHỨNG-CHỈ
Tú Tài phần thứ Nhất

Tổng Giám-Đốc Trung, Tiểu-Học
và Bình-Dân Giáo-Dục nhận thực:
Lê văn Căn
sinh ngày 06 tháng 02 năm 1944
tại Phước Nhuận tỉnh Gia Định
đã trúng tuyển kỳ thi TÚ-TÀI PHẦN THỨ NHẤT
Ban Văn chương Sinh ngữ (C)
hạng Thứ
Khóa ngày 23.5.1961 tại Saigon
với điều-kiện được Ông Bộ-Trưởng Quốc-Gia
Giáo-Dục phê chuẩn.

Saigon, ngày 6 tháng 7 năm 1961
Phó TỔNG GIÁM-ĐỐC
Trung Tiểu-Học và Bình-Dân Giáo-Dục
[Signature]
PHAN THẾ ROANH

Người lập chứng-chỉ
Chủ-Sự Phòng Khảo-Thi và Học-Bổng.

[Signature]

CÁC-CCH: Chứng-chỉ này chỉ cấp cho một người một lần

Một chứng chỉ thi đậu Tú Tài I cấp năm 1961. Người ký là Phó Tổng Giám Đốc Trung Tiểu học và Bình dân Giáo dục Phan Thế Roanh, con trai danh sĩ Phan Mạnh Danh, tác giả tập Bút Hoa.

– Trong kỳ thi Tú Tài (và cả Trung học Đệ nhất cấp), có một thành phần “thí sinh tự do” là những người không có điều kiện học thường xuyên tại trường học. Họ là những quân nhân, công chức hoặc người thi rớt nhiều năm liền. Quân nhân, công chức thường ghi danh học các lớp ban đêm và ban mà họ chọn nhiều nhất là ban C. Họ được miễn điều kiện học bạ, nhưng vẫn phải thi như bất cứ thành phần nào khác, không có chuyện “chuyên tu” hay “tại chức” như sau 1975.

– Sau khi có kết quả thi cả viết lẫn vấn đáp, những thí sinh đã đậu chính thức được cấp sớm một chứng chỉ bằng một tờ giấy A4, có khi chỉ bằng nửa tờ A4. Họ sao y tờ chứng chỉ này dùng cho mọi việc cần thiết: thi tuyển, ghi danh vào đại học, xin việc làm... Phải mấy năm sau họ mới được cấp văn bằng chính thức, khổ to, viết chữ đẹp, giấy cứng, thường chỉ có tác dụng lộng kính treo trong nhà, mọi việc đều nhờ vào tờ chứng chỉ.

– Hàng năm, nhiều nước cấp học bổng cho học sinh, sinh viên Việt Nam, thường là học bổng toàn phần, gồm học phí, chi phí ăn, ở trong suốt mấy năm học. Bộ Giáo dục đăng thông báo trên các báo vài tháng trước khi có kỳ thi tuyển chọn, ai muốn đi du học nộp đơn và hồ sơ dự tuyển. Đến lúc này, thứ hạng trong kỳ thi Tú Tài mới phát huy tác dụng, thường những người đậu từ hạng Bình trở lên được du học miễn thi, có năm phải từ hạng Ưu.

Những người đậu hạng Bình Thứ hay Thứ phải dự kỳ thi tuyển, thường là về môn ngoại ngữ (Anh hay Pháp) liên quan đến nước cấp học bổng. Nhiều nhân tài miền Nam nên danh từ những học bổng toàn phần này.

– Sau Đệ nhất Cộng hòa (1963), các kỳ thi vấn đáp được bỏ dần, đến giữa thập niên 1960, bắt đầu thử nghiệm việc thi trắc nghiệm, được gọi vui là “A,B,C khoanh”. Đến đầu thập niên 1970, việc thi được đẩy mạnh về mặt khoa học kỹ thuật, tiến dần đến cách chấm thi bằng kỹ thuật xuyên phiếu với sự hướng dẫn và giúp đỡ của các chuyên viên thuộc hãng IBM.

Lúc đó, một ngạch công chức mới ra đời, đó là ngạch xuyên phiếu viên.

Theo Lê Nguyễn (Trithucvn.net)